TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-PT
Ngày: 21-02-2020
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Phạm Thế Mỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 12/2019/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng".

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10/2020/QĐ-PT 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V; địa chỉ: số 18, đường T, phường M, quận L, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Tiết Văn Th, là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc).

- Ông Nguyễn Quang T, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V), vắng mặt.

- Ông Ngô Quang V, sinh năm: 1983, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 88/NHNoĐD-TH ngày 06/02/2020), có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Ya Ph, sinh năm: 1963, bà Ma B, sinh năm: 1970; cư trú tại số 13, thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Ma Ph, sinh năm: 1943; cư trú tại số 88, thôn K'r, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2/ Vợ chồng ông Ya N, sinh năm: 1959, bà Ma Th, sinh năm: 1959; cư trú tại số 87, thôn K'r, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm: 1982; cư trú tại số 171, tổ 6, thôn Q, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

4/ Chị Ma Đ, sinh năm: 1989; cư trú tại số 87, thôn K'r, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

5/ Vợ chồng anh Phạm Văn S, sinh năm: 1987, chị Ma K, sinh năm: 1991; cư trú tại số 87, thôn K'r, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

6/ Chị Ma Ch, sinh năm: 1986; cư trú tại số 87, thôn K'r, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

7/ Chị Ma L, sinh năm: 1988; cư trú tại số 61, thôn K'r, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

8/ Vợ chồng ông Ka Gr, sinh năm: 1955, bà Ma L, sinh năm: 1968; cư trú tại số 60, thôn K'r, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

9/ Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974, bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm: 1980; cư trú tại thôn K'r, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, ông Hoàng có mặt, bà Thủy vắng mặt.

10/ Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: đường 2/4, thị trấn T huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Văn S, là người đại diện theo pháp luật (Chi cục trưởng), vắng mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Ya Ph, sinh năm: 1963, bà Ma B, sinh năm: 1970 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/9/2017, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại gia đoạn sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì:

Vào ngày 20/10/2016 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh huyện Đ, Lâm Đồng – Phòng Giao dịch K (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Ya Ph ký Hợp đồng tín dụng số 540LAV201606606; theo đó Ngân hàng cho ông Ya Ph vay 1.000.000.000đ, mục đích sử dụng tiền vay là để kinh doanh rau; thời hạn của hạn mức tín dụng là 06 tháng; lãi suất sẽ được điều

chỉnh theo từng thời kỳ, tại thời điểm cấp tín dụng là 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả lãi 03 tháng/lần, trả nợ gốc theo từng lần trong giấy nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân lần 1 ngày 20/10/2016 với số tiền 800.000.000đ và lần 2 ngày 21/10/2016 với số tiền 200.000.000đ, trong cả hai lần nhận tiền này bị đơn đều viết giấy nhận nợ với Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

- Quyền sử dụng diện tích 3.169m^2 đất trồng cây hàng năm thuộc các thửa 273, 274, 294 tờ bản đồ số 312G, xã K, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V252758 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 31/12/2002 cho hộ ông Ya Ph, ngày 30/10/2014 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã đăng ký biến động sang tên người sử dụng đất là ông Ya Ph, bà Ma B.

- Quyền sử dụng diện tích 5.002m^2 đất (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn, còn lại là đất màu và đất lúa) thuộc các thửa 364, 78, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G198675 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/3/1997 cho ông Ya Ph.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC201606606 ngày 20/10/2016, hợp đồng thế chấp này được Văn phòng công chứng N công chứng ngày 20/10/2016 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/10/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và gốc theo như đã thỏa thuận, tính đến ngày 30/10/2019 bên vay còn nợ 1.257.911.111đ (trong đó nợ gốc 1.000.000.000đ, nợ lãi là 257.911.111đ).

Nay Ngân hàng yêu cầu Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nói trên và tiếp tục chịu mức lãi suất quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng theo quy định trong Hợp đồng tín dụng số 540LAV201606606 ngày 20/10/2016.

Trường hợp Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng diện tích 3.080m^2 đất trồng cây hàng năm thuộc các thửa 273, 274, 294 (trong đó thửa 273 diện tích 510m^2; thửa 274 diện tích 1.300m^2; thửa 294 diện tích 1.270m^2) tờ bản đồ số 312G, xã K, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V252758 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 31/12/2002 cho hộ ông Ya Ph và ngày 30/10/2014 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã đăng ký biến động sang tên người sử dụng đất là ông Ya Ph, bà Ma B (theo họa đồ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo đạc ngày 29/3/2017).

+ Quyền sử dụng diện tích 2.575m^2 đất trồng cây hàng năm và các tài sản trên đất thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G198675 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/3/1997 cho ông Ya Ph (theo họa đồ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo đạc ngày 29/3/2017).

+ Quyền sử dụng diện tích 184m^2 đất ở nông thôn và các tài sản trên đất thuộc một phần thửa 364, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G198675 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/3/1997 cho ông Ya Ph (theo trích lục họa đồ đo đạc ngày 28/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ).

- Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B thừa nhận có vay tiền, thỏa thuận lãi suất, thời gian trả nợ và thế chấp tài sản như người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh huyện Đ, Lâm Đồng trình bày. Tuy nhiên trong các diện tích đất thế chấp cho Ngân hàng; vào năm 2006 vợ chồng ông, bà đã chuyển nhượng lô đất có diện tích 2.000m^2 thuộc thửa số 78, tờ bản đồ 336a, xã K cho bà Ma Th. Lúc chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay chứ chưa lập hợp đồng theo quy định của pháp luật nhưng đã giao đất cho bà Ma Th, bên nhận chuyển nhượng đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông, bà và đã xây nhà cấp 4 trên diện tích đất này.

Nay vợ chồng ông, bà đồng ý trả số nợ nêu trên cho Ngân hàng nhưng xin trả dần trong vòng 04 năm, riêng năm 2019 sẽ trả 200.000.000đ, còn lại sẽ trả đến năm 2023 là hết; trong trường hợp không trả được nợ thì đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản đã thế chấp.

- Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì: Căn cứ Quyết định thi hành án số 101/QĐ-CCTHA ngày 19/10/2016 thì bà Ma B phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Ph số tiền 759.000.000đ và phải nộp 34.200.000đ tiền án phí. Do bà Ma B không tự nguyện thi hành án nên ngày 24/5/2017 Chi cục Thi hành án đã kê biên tài sản của bà Ma B bao gồm:

+ Quyền sử dụng diện tích 3.080m^2 đất trồng cây hàng năm thuộc các thửa 273, 274, 294, tờ bản đồ số 312G, xã K, huyện Đ.

+ Quyền sử dụng diện tích 2.465m^2 đất trồng cây hàng năm thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ.

+ Quyền sử dụng diện tích 548m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn, 248m^2 đất trồng cây hàng năm) và các tài sản trên đất thuộc thửa 364, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ.

Toàn bộ các tài sản kê biên này thì Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V - Chi nhánh huyện Đ.

Nay giữa Ngân hàng và Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B xảy ra tranh chấp Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Kim Ph trình bày: theo Bản án số 16/2016/DS-ST ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì bà Ma B có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 759.000.000đ. Sau đó bà có đơn yêu cầu thi hành án và được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ ra Quyết định thi hành án số 101/QĐ-CCTHADS ngày 19/10/2016. Tuy nhiên bà Ma B không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ đã kê biên các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Ya N, bà Ma Th thì vào năm 2004 vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng lô đất có diện tích 2.000m^2 thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ của Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B với giá 34.000.000đ. Tuy nhiên, hai bên chỉ viết giấy tay sang nhượng chứ không lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông, bà đã giao 33.000.000đ, nhận đất và xây căn nhà cấp 4 với diện tích khoảng 100m^2 trên diện tích đất nhận chuyển nhượng vào năm 2004. Ngoài ra cũng trong năm 2004 vợ chồng ông, bà đổi đất cho Bà Ma Ph với diện tích 500m^2, hai bên cũng chỉ lập giấy tay; năm 2008 vợ chồng ông, bà cho Chị Ma Ch lô đất có diện tích khoảng 100m^2 và căn nhà gỗ trên đất; năm 2014 vợ chồng ông, bà cho Chị Ma Đ lô đất có diện tích khoảng 100m^2, cho chị Ma K lô đất có diện tích khoảng 150m^2. Hiện nay việc sang nhượng, tặng cho đất nói trên vẫn chưa hoàn tất thủ tục theo quy định của pháp luật vì bà Ma B đã thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông, bà với Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B, chuyển đổi quyền sử dụng đất với Bà Ma Ph cũng như tặng cho quyền sử dụng đất đối với Chị Ma Ch, Ma Điều, Ma Kiều thì vợ chồng ông, bà và các đương sự vừa nêu tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa an quyết.

- Theo lời trình bày của Bà Ma Ph thì vào năm 2004 bà với bà Ma Th có đổi quyền sử dụng đất với nhau, theo đó bà nhận diện tích 500m^2 đất thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 336a, xã K của bà Ma Th và giao cho bà Ma Th 1.500m^2 đất ruộng; giữa các bên không lập hợp đồng theo quy định của pháp luật nhưng đã giao nhận đất và bà đã xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất với diện tích là 130m^2. Theo bà được biết thì diện tích 500m^2 đất của bà Ma Th đổi cho bà thuộc một phần của diện tích đất 2.000m^2 mà bà Ma Th đã nhận chuyển

nhượng của Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B vào năm 2004. Nay bà không có ý kiến gì đối với vụ án này, việc đổi quyền sử dụng đất giữa bà với bà Ma Th thì các bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo Chị Ma Đ trình bày thì vào năm 2014 bà Ma Th có cho chị lô đất có diện tích khoảng 100m^2 thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ 336a, xã K, huyện Đ, khi cho không lập giấy tờ mà chỉ nói với nhau. Nguồn gốc của diện tích đất này là do bà Ma Th nhận chuyển nhượng của bà Ma B, khi chuyển nhượng có lập giấy tay và đã giao tiền nhận đất nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Năm 2016 chị xây căn nhà cấp 4 với diện tích 30m^2. Nay chị không có ý kiến gì đối với vụ án này, việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ma Th với chị thì các bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời trình bày của Chị Ma Ch thì vào năm 2008 bà Ma Th có cho chị lô đất có diện tích khoảng 100m^2 thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ 336a, xã K, huyện Đ, khi cho các bên không lập giấy tờ mà chỉ nói với nhau. Nguồn gốc của diện tích đất này là do bà Ma Th nhận chuyển nhượng của bà Ma B, khi chuyển nhượng có lập giấy tay và đã giao tiền nhận đất nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Trên diện tích đất này có căn nhà gỗ khoảng 16m^2 do bà Ma Th làm rồi tặng cho chị, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Nay chị không có ý kiến gì đối với vụ án này, việc tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản trên đất giữa bà Ma Th với chị thì các bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vợ chồng anh Phạm Văn S, chị Ma K cho biết vợ chồng anh, chị đang sử dụng diện tích đất khoảng 150m^2 thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ 336a, xã K, huyện Đ. Lý do sử dụng là vì bà Ma Th có cho vợ chồng anh, chị diện tích đất này, khi cho không lập giấy tờ mà chỉ nói với nhau. Nguồn gốc của diện tích đất này là do bà Ma Th nhận chuyển nhượng của bà Ma B. Tuy nhiên đến nay bà Ma Th vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thủ tục tặng cho diện tích đất khoảng 150m^2 mà anh chị đang sử dụng cũng chưa hoàn tất theo quy định của pháp luật. Năm 2016 anh chị đã xây căn nhà cấp 4 trên đất với diện tích là 36m^2. Nay vợ chồng anh, chị không có ý kiến gì đối với vụ án này, việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ma Th với vợ chồng anh chị thì các bên tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Theo lời trình bày của Vợ chồng ông Ka Gr, bà Ma L thì vợ chồng ông, bà đang sử dụng diện tích đất khoảng 5.000m^2 bên cạnh thửa 78, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ trong đó có cả 43m^2 đất mà theo như họa đồ đo vẽ mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 29/3/2017 là thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ma B. Nay vợ chồng ông, bà không có ý kiến gì đối

với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; đối với diện tích đất 43m^2 mà họa đồ đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thể hiện là thuộc thửa 78 thì vợ chồng ông, bà không đồng ý giao diện tích đất này cho ai, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Theo Chị Ma L trình bày thì vào năm 2011 Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B cho chị lô đất có diện tích 650m^2 thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ (theo như họa đồ đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 29/3/2017), khi cho thì các bên không lập giấy tờ mà chỉ nói với nhau nhưng từ năm 2011 đến nay chị là người trực tiếp sử dụng đất và trồng cây nông nghiệp ngắn ngày. Nay chị không có ý kiến gì đối với vụ án này, việc tặng cho đất giữa Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B với chị thì các bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ngọc Th thì vào năm 2008 vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng lô đất có diện tích 100m^2 thuộc một phần thửa 364, tờ bản đồ 336a, xã K, huyện Đ của Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B, khi nhận chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay, đến năm 2014 mới làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tách thành thửa mới là 586. Vợ chồng ông, bà đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BV 032868 ngày 19/11/2014. Năm 2011 vợ chồng ông, bà đã xây nhà cấp 4 trên thửa 586 này, trong đó có 11m^2 trên thửa 364 (theo như họa đồ đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ), vợ chồng ông, bà không đồng ý trả phần đất có diện tích 11m^2 nói trên cho bất cứ ai, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại Bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019; Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với bị đơn ông Ya Ph, bà Ma B.

Buộc ông Ya Ph, bà Ma B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V số tiền 1.262.772.222đ, trong đó nợ gốc 1.000.000.000đ, nợ lãi là 262.772.222đ tính đến ngày 15/11/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ; ông Ya Ph, bà Ma B còn phải chịu số tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V theo quy định trong hợp đồng tín dụng số 540LAV201606606 ngày 20/10/2016.

Trường hợp ông Ya Ph, bà Ma B không trả được nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng diện tích 3.080m^2 đất trồng cây hàng năm thuộc các thửa 273, 274, 294 (trong đó thửa 273 diện tích 510m^2; thửa 274 diện tích 1.300m^2; thửa 294 diện tích 1.270m^2) tờ bản đồ số 312G, xã K, huyện Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V252758 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 31/12/2002 cho hộ ông Ya Ph và ngày 30/10/2014 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã đăng ký biến động sang tên người sử dụng đất là ông Ya Ph, bà Ma B (*theo họa đồ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo đạc ngày 29/3/2017*).

+ Quyền sử dụng diện tích 2.575m^2 đất trồng cây hàng năm và các tài sản trên đất thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 198675 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/3/1997 cho ông Ya Ph (*theo họa đồ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo đạc ngày 29/3/2017*).

+ Quyền sử dụng diện tích 184m^2 đất ở nông thôn và các tài sản trên đất thuộc một phần thửa 364, tờ bản đồ số 336a, xã K, huyện Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 198675 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/3/1997 cho ông Ya Ph (*theo trích lục họa đồ đo đạc ngày 28/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ*), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC201606606 ngày 20/10/2016 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V với ông Ya Ph, bà Ma B được Văn phòng công chứng N công chứng ngày 20/10/2016.

Trường hợp ông Ya Ph, bà Ma B thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V thì Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G198675 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/3/1997 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V252758 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 31/12/2002 cho ông Ya Ph, bà Ma B.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/11/2019 Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B có đơn kháng cáo không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa Bà Nguyễn Thị Kim Ph và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Ya Ph có ký Hợp đồng tín dụng số 540LAV201606606 vào ngày 20/10/2016 theo đó Ngân hàng cho ông Ya Ph vay số tiền 1.000.000.000đ để kinh doanh trồng rau, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản tiền vay nói trên Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số TC201606606 ngày 20/10/2016 để thế chấp các quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V252758 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 31/12/2002 cho hộ ông Ya Ph, đăng ký biến động sang tên Ya Phiêng, Ma Bin và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G198675 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/3/1997 cho ông Ya Ph. Quá trình thực hiện hợp đồng do bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết của mình nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị phải thanh toán các khoản tiền còn nợ và tiền lãi quá hạn, trường hợp không thanh toán được thì yêu cầu được phát mãi các tài sản thế chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

[2.1] Xuất phát từ việc theo nội dung Bản án số 16/2016/DS-ST ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì bà Ma B có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Ph số tiền 759.000.000đ. Sau đó bà Phượng có đơn yêu cầu thi hành án và được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ đã ra Quyết định thi hành án số 101/QĐ-CCTHADS ngày 19/10/2016. Do bà Ma B không tự nguyện thi hành án nên ngày 11/5/2017 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-CCTHA về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất; đến ngày 24/5/2017 thì tổ chức kê biên các tài sản là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 273, 274, 294 tờ bản đồ số 312g và các thửa 78, 364 tờ bản đồ số 336a cùng tài sản trên đất của Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đến ngày ngày 06/9/2017 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V có đơn khởi kiện Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả số nợ gốc đã vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật đồng thời đề nghị tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn

liền với đất số TC 201606606 ngày 20/10/2016 giữa Ngân hàng và Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B đối với khối tài sản nói trên.

Do khối tài sản mà bị đơn thế chấp cho Ngân hàng cũng là khối tài sản mà Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ kê biên để đảm bảo cho việc thi hành án cho Bà Nguyễn Thị Kim Ph theo Bản án số 16/2016/DS-ST ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên khi giải quyết vụ án nói trên, cấp sơ thẩm đã đưa Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ và Bà Nguyễn Thị Kim Ph vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2.2] Theo quy định tại Khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì:

"Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan".

Do Bà Nguyễn Thị Kim Ph và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ có liên quan đến khối tài sản mà Ngân hàng yêu cần duy trì hợp đồng thế chấp và phát mãi thi hành án trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên cấp sơ thẩm đưa hai đương sự vừa nêu tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp với điều khoản vừa viện dẫn. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Tuy nhiên, theo hồ sơ thể hiện thì Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B là đồng bào dân tộc thiểu số, hiện đang cư trú tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 và Quyết định 582/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ thì xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc trường hợp xã đặc biệt khó khăn, căn cứ quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí, cấp sơ thẩm buộc Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và nộp tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm là chưa phù hợp với quy định vừa viện dẫn.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc cấp sơ thẩm đưa sai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên cần sửa Bản án sơ thẩm về phần buộc bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5] Những Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V và Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B bao gồm: Bà Ma Ph, vợ chồng ông Ya N, bà Ma Th, Bà Nguyễn Thị Kim Ph, Chị Ma Đ, Vợ chồng anh Phạm Văn S, chị Ma K, Chị Ma Ch, Chị Ma L, Vợ chồng ông Ka Gr, bà Ma L, vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị Ngọc Th và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: miễn toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B.

- Án phí phúc thẩm: Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Vợ chồng ông Ya Ph, bà Ma B được nhận lại số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016037 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV &THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (12);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Châu Thạch